

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KIẾN TRÚC AIR.CONCEPT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KIẾN TRÚC AIR.CONCEPT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AIR.CONCEPT ARCHITECTURE DEVELOPMENT AND INVESTMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: AIR.CONCEPT CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109205414

3. Ngày thành lập: 12/06/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 4, Sảnh B, Sàn Dịch vụ thương mại Tòa AZ Sky Tower, Khu Đô Thị Mới Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Khai thác gỗ	0220
2.	Sản xuất sợi	1311
3.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
4.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
5.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
6.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
7.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
8.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
9.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
10.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
11.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
12.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
13.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
14.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
15.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
16.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
17.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
18.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
19.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396

20.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
21.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
22.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420
23.	Đúc sắt, thép	2431
24.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
25.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
26.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
27.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
28.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
29.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội)	2599
30.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
31.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
32.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
33.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
34.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
35.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
36.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
37.	Tái chế phế liệu	3830
38.	Xây dựng nhà để ở	4101
39.	Xây dựng nhà không để ở	4102
40.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
41.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
42.	Xây dựng công trình điện	4221
43.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
44.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
45.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
46.	Xây dựng công trình thủy	4291
47.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
48.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
49.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
50.	Phá dỡ	4311
51.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
52.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
53.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
54.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
55.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330

56.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
57.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý hàng hóa (trừ hoạt động đấu giá hàng hóa)	4610
58.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại Nhà nước cấm)	4620
59.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
60.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
61.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
62.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
63.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
64.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kinh doanh vàng)	4662
65.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
66.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
67.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại Nhà nước cấm)	4690
68.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
69.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
70.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
71.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
72.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
73.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
74.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
75.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
76.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
77.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
78.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
79.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
80.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ súng, đạn, tem, vàng và tiền kim khí và các loại hàng hóa Nhà nước cấm)	4773
81.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động đấu giá và các loại hàng hóa Nhà nước cấm)	4799

82.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
83.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
84.	Bốc xếp hàng hóa	5224
85.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ (trừ kinh doanh bến bãi ô tô và hóa lỏng khí để vận chuyển)	5225
86.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ vận tải hàng không)	5229
87.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
88.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
89.	Dịch vụ ăn uống khác (Trừ phòng hát karaoke. vũ trường, quán bar)	5629
90.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Trừ phòng hát karaoke. vũ trường, quán bar)	5630
91.	Xuất bản phần mềm (Trừ xuất bản phẩm)	5820
92.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (Trừ sản xuất phim truyền hình)	5911
93.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
94.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản - Dịch vụ tư vấn bất động sản - Dịch vụ quản lý bất động sản - Quản lý vận hành nhà chung cư	6820
95.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
96.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Khảo sát địa hình; - Khảo sát địa chất công trình. - Thiết kế kiến trúc công trình; - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; - Thiết kế cơ - điện công trình; - Thiết kế cấp - thoát nước công trình; - Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật. - Giám sát thi công xây dựng - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; - Dịch vụ tư vấn đấu thầu; - Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy	7110(Chính)
97.	Quảng cáo	7310
98.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320

99.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng (Không bao gồm thiết kế có chứng chỉ hành nghề)	7410
100.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
101.	Cho thuê xe có động cơ	7710
102.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
103.	Đại lý du lịch	7911
104.	Điều hành tua du lịch	7912
105.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa; kinh doanh lữ hành quốc tế - Cung cấp các dịch vụ đặt chỗ liên quan đến hoạt động du lịch: vận tải, khách sạn, nhà hàng, cho thuê xe, giải trí và thể thao; - Cung cấp dịch vụ chia sẻ thời gian nghỉ dưỡng; - Hoạt động bán vé cho các sự kiện sân khấu, thể thao và các sự kiện vui chơi, giải trí khác; - Cung cấp dịch vụ hỗ trợ khách du lịch: cung cấp thông tin du lịch cho khách, hoạt động hướng dẫn du lịch; - Hoạt động xúc tiến du lịch	7990
106.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
107.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
108.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
109.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
110.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
111.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
112.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (Trừ hoạt động của các nhà báo độc lập và các hoạt động nhà nước cấm)	9000

6. Vốn điều lệ: 500.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

8. Người đại diện theo pháp luật:

Thời gian đăng từ ngày 12/06/2020 đến ngày 12/07/2020

* Họ và tên: NGUYỄN TRUNG HIẾU

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 23/06/1994

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 194494039

Ngày cấp: 26/10/2015

Nơi cấp: *Công an Tỉnh Quảng Bình*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Ngõ 30, đường Đào Tấn, Phường Bắc Lý, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Ngõ 30, đường Đào Tấn, Phường Bắc Lý, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội